

Số: **226/2021/QĐST-HNGĐ**

Yên Sơn, ngày 05 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 234/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Ma Thị T**, sinh năm 1986;

Trú tại: Thôn 12, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: **Anh Lưu Đức V**, sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 12, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;

Chỗ ở: Thôn 10, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 28 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc Tận tình ly hôn và thoả Tận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 28 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa: Chị Ma Thị T và anh Lưu Đức V.

2. Công nhận sự thoả Tận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lưu Ngọc H, sinh ngày 17/11/2012 và cháu Lưu T T, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Ma Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Lưu Đức V cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng, chia ra cháu Lưu Ngọc H 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, cháu Lưu T T 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ Hng tháng, kể từ tháng 8/2021 cho

đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày chị Ma Thị T có đơn yêu cầu thi Hnh án, nếu anh Lưu Đức V chậm thi Hnh án thì Hng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất do các bên thỏa Tận, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không thỏa Tận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung, nH, đất chung: Chị Ma Thị T và anh Lưu Đức V đều xác định anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị Ma Thị T và anh Lưu Đức V đều xác định anh chị không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Ma Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004047 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Yên Sơn; Chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Lưu Đức V phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa Tận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi Hnh án dân sự; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn;
 - Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Yên Sơn;
 - UBND xã Kim Phú - TP Tuyên Quang
- nơi ĐKKH;
- Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Tỷ

